| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Quyết định giám đốc thẩm**
Số: 24/2019/DS - GĐT
Ngày 28/5/2019
Về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tiến – Chánh án.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn và ông Đặng Kim Nhân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trịnh Ninh Bình – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng*** tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa:

*1. Nguyên đơn:* bà Lê Thị Đ, sinh năm 1969; trú tại: khu phố P, phường X , thị xã S , tỉnh Phú Yên.

*2. Bị đơn:* ông Nguyễn Chí D , sinh năm 1969 và bà Lê Thị Kim Tr , sinh năm 1969 (vợ ông D ); cùng trú tại: khu phố T, phường XĐ, thị xã S , tỉnh Phú Yên.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

*3.1.* Ông Trần Văn H , sinh năm 1971 và bà Nguyễn Đỗ Quyên Q , sinh năm 1971 (vợ ông H ); cùng trú tại: khu phố L, phường X , thị xã S , tỉnh Phú Yên.

*3.2.* Ông Trần Đức S , sinh năm 1957 và bà Đặng Thị Đ , sinh năm 1966 (vợ ông S ); cùng trú tại: khu phố L, phường X , thị xã S , tỉnh Phú Yên.

*3.3.* Ông Nguyễn C , sinh năm 1950 và bà Tôn Nữ Thị L , sinh năm 1949 (vợ ông C); cùng trú tại: khu phố T, phường XĐ, thị xã S , tỉnh Phú Yên.

*3.4.* Ông Nguyễn Hưng H1 , sinh năm 1972; trú tại: khu phố P, phường X , thị xã S , tỉnh Phú Yên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Lê Thị Đ trình bày:* Ngày 01/8/2018, vợ chồng ông Nguyễn Chí D , bà Lê Thị Kim Tr vay của Bà 480.000.000 đồng. Sau khi vay tiền thì vợ chồng ông D tuyên bố vỡ nợ, không có khả năng trả nợ nên Bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D trả nợ và yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với nhà hàng, khách sạn KT tại địa chỉ khu phố T ,

phường XĐ, thị xã S , tỉnh Phú Yên của vợ chồng ông D , bà Tr để bảo đảm thi hành án trả nợ cho Bà.

- *Bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Chí D , bà Lê Thị Kim Tr* thống nhất với trình bày của bà Được về khoản nợ 480.000.000 đồng, đồng ý trả nợ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng Ông Trần Văn H , bà Nguyễn Đỗ Quyên Q trình bày:* Ông Bà nhận chuyển nhượng tổ hợp nhà hàng, khách sạn KT trên diện tích 2.494,8 $m^2$ đất, tại địa chỉ khu phố T , phường XĐ, thị xã S , tỉnh Phú Yên của vợ chồng ông D , bà Tr . Hai bên đã lập Hợp đồng chuyển nhượng công chứng tại Văn phòng Công chứng L , huyện T , tỉnh Phú Yên. Khi đang làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã S thì bị ngừng do Tòa án nhân dân thị xã S áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tuy nhiên, thực tế các bên chỉ chuyển nhượng diện tích 1.975,6 $m^2$ đất, còn diện tích 519,2 $m^2$ đất (trên đất có nhà của vợ chồng ông Nguyễn C ) thì các bên không chuyển nhượng. Ông Bà đã thanh toán xong tiền nhận chuyển nhượng nên đề nghị Tòa án công nhận một phần Hợp đồng đối với diện tích đất 1.975,6 $m^2$, giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất cho Ông Bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Trần Đức S , bà Đặng Thị Đ trình bày:* Ông Bà góp vốn cùng vợ chồng ông H , bà Q nhận chuyển nhượng nhà đất của vợ chồng ông D , bà Tr . Nay Ông Bà thống nhất để vợ chồng ông H , bà Q toàn quyền quyết định, Ông Bà không có ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Nguyễn C , bà Tôn Nữ Thị L trình bày:* Được sự đồng ý của vợ chồng ông D , bà Tr thì Ông Bà đã xây dựng nhà kiên cố ở nhờ trên đất. Hiện nay, Ông Bà không có tiền nhận chuyển nhượng diện tích đất có nhà do Ông Bà xây dựng nên không có ý kiến về việc vợ chồng ông D , bà Tr chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông H , bà Q và không có yêu cầu giải quyết về ngôi nhà do Ông Bà làm trên đất mà Ông Bà sẽ tự giải quyết với ông D , bà Tr .

- Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 37/2018/QĐST-DS ngày 25/10/2018, Tòa án nhân dân thị xã S , tỉnh Phú Yên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

*+ Vợ chồng Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Đỗ Quyên Q đồng ý trả nợ thay cho vợ chồng ông Nguyễn Chí D và bà Lê Thị Kim Tr với số tiền 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu) cho bà Lê Thị Đ . Bà Lê Thị Đ đã nhận đủ số tiền 480.000.000 đồng.*

*- Vợ chồng Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Đỗ Quyên Q được toàn quyền quản lý, sử dụng và sở hữu nhà hàng KT theo hiện trạng diện tích xây dựng 961,5 $m^2$; 38 cây dừa đang thu hoạch; 01 trại bỏ hoang mái tole nền xi măng rào lưới B40 gắn trên tổng diện tích đất 1.975,6 $m^2$ thuộc một phần của thửa đất 192, tờ bản đồ số 11 – ĐC; có vị trí: Tây giáp lối đi nhỏ và mương nước, Đông giáp đất Lê Thị Kim Tr , ông Nguyễn Chí D , đất Lê Văn H và đất Nguyễn Thành L; Nam giáp đất Nguyễn Thành L và đất còn lại bà Lê Thị Kim Tr , Bắc giáp hành lang Quốc lộ 1A cách tim đường 22,5m tọa lạc khu*

*phố T , phường XĐ, thị xã S , tỉnh Phú Yên (có bản vẽ kèm theo). Diện tích đất đã được UBND thị xã S , tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 959171 ngày 16/6/2014 cho bà Lê Thị Kim Tr diện tích đất 2.494,8 $m^2$ trong đó có 350 $m^2$ đất ở đô thị và 2.144,8 $m^2$ đất cây lâu năm thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 – ĐC địa chỉ khu phố T , phường XĐ, thị xã S , tỉnh Phú Yên. Các đương sự thống nhất đề nghị vợ chồng ông H và bà Q chịu trách nhiệm làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền về việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất cây lâu năm sang đất thổ cư đối với diện tích đất 961,5 $m^2$ theo hiện trạng xây dựng công trình nhà hàng KT gắn trên tổng diện tích đất 1.975,6 $m^2$ đã được giao cho ông H và bà Q được toàn quyền quản lý, sử dụng.*

*- Diện tích đất còn lại 519,2 $m^2$ có ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng ông Nguyễn C và bà Tôn Nữ Thị L ; gắn vị trí: Tây giáp lối đi mương nước, Đông giáp đất Lê Thị Kim Tr (phần đất giao cho vợ chồng ông H ), Bắc giáp mương nội bộ và nhà hàng KT, Nam giáp đất Nguyễn Thanh L ; tọa lạc khu phố T , phường XĐ, thị xã S , tỉnh Phú Yên (có bản vẽ kèm theo) đã được UBND thị xã S , tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 959171 ngày 16/6/2014 cho bà Lê Thị Kim Tr thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 11 – ĐC địa chỉ khu phố T , phường XĐ, thị xã S , tỉnh Phú Yên. Vợ chồng ông D , bà Tr thống nhất cho vợ chồng ông Nguyễn C tiếp tục ở nhờ trên diện tích đất còn lại 519,2 $m^2$ của vợ chồng bà Tr đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BQ 959171. Nếu vợ chồng ông Nguyễn C và vợ chồng ông Nguyễn Chí D , bà Tr có yêu cầu thì giải quyết trong vụ án khác.*

Tòa án nhân dân thị xã S còn công nhận thỏa thuận của các đương sự về án phí.

- Tại Văn bản kiến nghị số 235/2018/KN-KN-GĐT ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên và Báo cáo kiến nghị số 206/2018/BCKN-KN-GĐT ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã S , tỉnh Phú Yên đều kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 37/2018/QĐST-DS ngày 25/10/2018 nêu trên.

- Ngày 02/11/2018, các ông, bà Phạm Thị Ng , Nguyễn Thị Lan Ph , Nguyễn Thị H , Nguyễn Văn Q, Ngô Thị Mỹ H có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 37/2018/QĐST-DS ngày 25/10/2018 nêu trên với lý do: Các Ông, Bà khởi kiện đòi nợ vợ chồng ông D , bà Tr đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định, Bản án có hiệu lực pháp luật buộc ông D , bà Tr trả nợ cho các Ông Bà; nhưng Tòa án nhân dân thị xã S lại công nhận thỏa thuận giữa vợ chồng ông D , bà Tr với vợ chồng ông H , bà Q về việc ông D , bà Tr chuyển sở hữu nhà hàng, khách sạn KT sang tên ông H , bà Q là tạo điều kiện cho hành vi tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ của ông D , bà Tr cho các Ông, Bà.

- Tại Quyết định số 07/2019/KN-DS ngày 14/3/2019, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên; đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp

cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Quyết định nêu trên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã S , tỉnh Phú Yên giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*[1]. Về tố tụng:*

Nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2018, bà Được trình bày vợ chồng ông D , bà Tr chiếm đoạt của bà Được 480 triệu, nhưng lại không nêu yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông D , bà Tr trả bao nhiêu; kèm Đơn khởi kiện bà Được cung cấp cho Tòa án ***Giấy mượn tiền*** đề ngày 01/8/2018 giữa vợ chồng ông D , bà Tr với bà Được, nhưng là bản photocopy, không được công chứng, chứng thực. Xét thấy, với nội dung Đơn khởi kiện chưa rõ ràng và chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình để đòi nợ chỉ là bản photocopy ***Giấy mượn tiền*** thì lẽ ra Tòa án cần yêu cầu nguyên đơn sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện và cung cấp bản chính hoặc bản photocopy ***Giấy mượn tiền*** có công chứng, chứng thực thì mới đủ cơ sở thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân thị xã S không yêu cầu nguyên đơn sửa chữa, bổ sung Đơn khởi kiện và cung cấp bổ sung chứng cứ như phân tích trên mà ngày 23/8/2018 ban hành Thông báo nộp tạm ứng án phí và ngày 24/8/2018 thụ lý giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại điểm g khoản 4 Điều 189 và khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

*[2.] Về nội dung:*

[2.1]. Trong khoảng thời gian từ ngày 17/8/2018 đến ngày 02/11/2018, Tòa án nhân dân thị xã S thụ lý để giải quyết 33 vụ án *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa 33 nguyên đơn với cùng bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Chí D , bà Lê Thị Kim Tr và tổng số tiền 33 nguyên đơn yêu cầu ông D , bà Tr trả là 11.127.342.000 đồng. Đồng thời với việc các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông D trả nợ thì vợ chồng Ông Trần Văn H , bà Nguyễn Đỗ Quyên Q cũng có yêu cầu độc lập, yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (được công chứng ngày 17/8/2018) giữa vợ chồng ông D với vợ chồng ông H đối với diện tích đất 1.975,6m$^2$, trên đất có nhà hàng KT tọa lạc tại khu phố T , phường XĐ, thị xã S , tỉnh Phú Yên.

[2.2]. Tính đến thời điểm trước ngày 25/10/2018 (ngày ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 37/2018/QĐST-DS là đối tượng tranh chấp trong vụ án này) thì Tòa án nhân dân thị xã S đã giải quyết xong 22 vụ án và đến nay không có vụ án nào bị kháng cáo, kháng nghị. Trong số 22 vụ án đã giải quyết nêu trên thì có 09 vụ các nguyên đơn có thỏa thuận với vợ chồng ông D và vợ chồng ông H (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) là vợ chồng ông H sẽ thay vợ chồng ông D trả nợ cho 09 nguyên đơn nên 09 nguyên đơn đã đề nghị Tòa án hủy

phong tỏa đối với nhà, đất nêu trên; như vậy, còn lại 24 nguyên đơn (trong đó 13 nguyên đơn đã được giải quyết và còn 11 nguyên đơn chưa được giải quyết) không có thỏa thuận được hưởng tiền từ việc vợ chồng ông H bán nhà đất nêu trên. Thực tế hiện nay, các nguyên đơn không được thi hành án và có đơn đề nghị giám đốc thẩm vì ông D , bà Tr không còn tài sản nào khác để thi hành án.

Xét, tại thời điểm ngày 17/8/2018, Tòa án nhân dân thị xã S đã thụ lý Đơn khởi kiện của nhiều nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông D trả nợ thì sau đó vợ chồng ông D lại ký Hợp đồng chuyển nhượng tài sản cho người khác là có hành vi *"tẩu tán tài sản"* vì thực tế có 24 vụ án (với 24 nguyên đơn) không được hưởng tiền từ việc vợ chồng ông H bán tài sản là nhà hàng KT (tài sản duy nhất còn lại của vợ chồng ông D ). Mặt khác, Nhà hàng KT chỉ được cấp phép xây dựng trên diện tích 332m$^2$ đất ở; nhưng vợ chồng ông D lại xây dựng Nhà hàng KT trên diện tích 1.072 m$^2$ đất, trong đó 722 m$^2$ đất nông nghiệp và đã bị xử phạt vi phạm hành chính, buộc khắc phục hậu quả (chuyển mục đích sử dụng và điều chỉnh giấy phép xây dựng theo quy định) nhưng đến nay vợ chồng ông D chưa thực hiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã S ban hành Quyết định số 37/2018/QĐST-DS ngày 25/10/2018, công nhận sự thỏa thuận của vợ chồng ông D giao toàn bộ nhà, đất (trừ phần đất trên có nhà của vợ chồng ông C) cho vợ chồng ông H là công nhận sự thỏa thuận của các đương sự trái pháp luật.

Sau khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 37/2018/QĐST-DS ngày 25/10/2018 nêu trên thì ông H , bà Q có đơn khiếu nại cho rằng tại thời điểm Ông Bà hòa giải thành với vợ chồng ông D , bà Tr (để nhận chuyển nhượng nhà hàng KT của vợ chồng Dũng, bà Tr ) thì ông D , bà Tr đang thế chấp Nhà hàng KT tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Phú Yên – Phòng giao dịch thị xã S để vay tiền; do đó Ông Bà đã phải nộp vào Ngân hàng 8.500.000.000 đồng để giải chấp tài sản thế chấp, sau đó làm thủ tục nhận chuyển nhượng tài sản này với ông D , bà Tr . Xét, kèm trình bày nêu trên thì ông H , bà Q có gửi kèm bản photocopy các chứng từ nộp tiền vào Ngân hàng và các Ủy nhiệm chi tại Ngân hàng; do đó, khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần xác minh làm rõ số tiền ông H , bà Q nộp vào Ngân hàng để giải chấp tài sản (nếu có), từ đó ưu tiên thanh toán cho vợ chồng ông H , bà Q khi xử lý khối tài sản là nhà hàng KT và quyền sử dụng diện tích 1.975,6m$^2$ đất tại địa chỉ khu phố T , phường XĐ, thị xã S , tỉnh Phú Yên.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 37/2018/QĐST-DS ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã S , tỉnh Phú Yên về

*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa nguyên đơn là bà Lê Thị Đ với bị đơn là ông Nguyễn Chí D , bà Lê Thị Kim Tr .

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã S , tỉnh Phú Yên để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân thị xã S , tỉnh Phú Yên (02 bản kèm hồ sơ vụ án để xét xử lại);
- Vụ Pháp chế và quản lý khoa học TANDTC ;
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S , tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra về DS -LĐ - KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN**
**CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Anh Tiến**